## NHÓM 8

## MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

**I. KHUNG MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra chương VII: Đa dạng thế giới sống (từ bài 25 đến bài 29).*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

+ Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 8 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

+ Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |  |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |  |  | *12* |
| Bài 25: Hệ thống phân loại sinh vật |  |  |  | **1** |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| Bài 26: Khoá lưỡng phân |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| Bài 27. Vi khuẩn |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| Bài 29. Vi rút |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| Bài 30. Nguyên sinh vật |  | **1** | 1 |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 1,25 |
| Bài 32. Nấm |  |  |  | **1** |  |  | 1 |  | 1 | 1 | 1,25 |
| Bài 34. Thực vật | 1 | **3** |  | **1** |  |  |  |  | 1 | 4 | 3,0 |
| Bài 36. Động vật |  | **1** |  | **1** | 1 |  |  |  | 1 | 2 | 2,5 |
| Bài 38. Đa dạng sinh học |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| **Số câu** | 1 | **8** | 1 | **8** | 1 |  | 1 |  | 4 | 16 | 20 |
| **Điểm số** | **2,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **2,0** |  | **1,0** |  | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **% điểm số** | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** | | **10 điểm** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL | TN |
| ***1. Đa dạng thế giới sống (30 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| - Sự đa dạng nguyên sinh vật, một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.  - Sự đa dạng nấm, vai trò của nấm, một số bệnh do nấm gây ra.  - Sự đa dạng của thực vật, động vật.  - Tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên. | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm và sự cần thiết của phân loại thế giới sống. |  | 3 |  | C1, C4, C7 |
| - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. |  | 1 |  | C3 |
| - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số tác hại của thực vật trong đời sống. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. |  |  |  |  |
| - Nêu được sự đa dạng và vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, …) |  | 4 |  | C2, C5, C6, C8 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được nguyên tắc xây dựng khóa lưỡng phân. |  | **1** |  | C15 |
| - Phân loại được các loài sinh vật vào các giới. |  | **1** |  | C13 |
| - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...). | **1** |  | C17 |  |
| - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. |  | 2 |  | C9, C12 |
| - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. |  | **1** |  | C11 |
| - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). |  | 1 |  | C14 |
| - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). |  |  |  |  |
| - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  | **1** |  | C10 |
| - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. | **1** |  | C18 |  |
| - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  | 2 |  | C13, C16 |
| **Vận dụng** | - Xây dựng được khóa lưỡng phân để phân loại sinh vật |  |  |  |  |
| - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |  |  |  |  |
| - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. |  |  |  |  |
| - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. | **1** |  | C19 |  |
| - Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** | - Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... | **1** |  | C20 |  |
| - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).  - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. |  |  |  |  |
| - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). |  |  |  |  |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)  
Câu 1. (NB).** Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật

**A.** có cấu tạo tế bào nhân thực, đa số có kích thước hiển vi. **B.** có cấu tạo tế bào nhân sơ, đa số có kích thước hiển vi.

**C.** chưa có cấu tạo tế bào, đa số có kích thước hiển vi. **D.** có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước lớn.

**Câu 2.** **(NB).** Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách

**A.** giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO2. **B.** giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO2 và O2.

**C.** giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO2. **D.** giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O2.

**Câu 3. (NB).** Bệnh nào sau đây **không** phải bệnh do vi khuẩn gây nên?

A. Bệnh kiết lị

B. Bệnh tiêu chảy

C. Bệnh vàng da

D. Bệnh thủy đậu

**Câu 4. (NB)**  Ba loại hình dạng điển hình của vi khuẩn là?

A. Hình cầu, hình khối, hình que.                  B. Hình lăng trụ, hình khối, hình xoắn.

C. Hình que, hình xoắn, hình cầu.                 D. Hình khối, hình que, hình cầu.

**Câu 5. (NB).** Thực vật có vai trò gì đối với động vật?

1. Cung cấp thức ăn. B. Ngăn biến đổi khí hậu.

C.Giữ đất, giữ nước. D. Cung cấp thức ăn, nơi ở.

**Câu 6. (NB):** Sự đa dạng của động vật được thể hiện rõ nhất ở

A. cấu tạo cơ thể và số lượng loài.

B. số lượng loài và môi trường sống.

C. môi trường sống và hình thức dinh dưỡng.

D. hình thức dinh dưỡng và hình thức vận chuyển.

**Câu 7. (NB)** Ở dương xỉ, các túi bào tử nằm ở đâu ?

1. Mặt dưới củalá.
2. Mặt trên của lá.
3. Thân cây.

D. Rễ cây.

**Câu 8. .(NB):** Sinh cảnh nào dưới đây có độ đa dạng sinh học thấp nhất?

1. Thảo nguyên.
2. Rừng mưa nhiệt đới.

C.Hoang mạc.

D. Rừng ôn đới.

**Câu 9. (TH)**. Biện pháp nào hữu hiệu nhất để phòng bệnh do virus?

A. Có chế độ dinh dưỡng tốt, bảo vệ môi trường sinh thái cân bằng và trong sạch.

B. Chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng, tập thể dục, sinh hoạt điều độ.

C. đeo khẩu trang khi di ra ngoài.

D. Sử dụng vaccine vào thời điểm phù hợp.

**Câu 10. (TH)** Động vật có xương sống bao gồm

**A.** cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú. **B.** cá, lưỡng cư, bò sát, ruột khoang, thú.

**C.** thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú. **D.** cá, chân khớp, bò sát, chim, thú.

**Câu 11. (TH).** Những loài nấm độc thường có điểm đặc trưng nào sau đây?

**A.** Tỏa ra mùi hương quyến rũ.

**B.** Thường sống quanh các gốc cây.  
**C. Có màu sắc rất sặc sỡ.**

**D.** Có kích thước rất lớn.

**Câu 12. (TH)** Tại sao các bác sĩ đề nghị mọi người nên tiêm vaccine ngừa cúm mỗi năm?

A. Virus nhân lên nhanh chóng theo thời gian.

B. Virus cúm có nhiều chủng thay đổi theo các năm.

C. Vaccine được cơ thể hấp thụ sau một năm.

D. Vaccine ngày càng mạnh hơn theo thời gian.

**Câu 13. (TH)** Dơi là động vật thuộc lớp phân loại nào sau đây?

1. Lớp thú
2. Lớp chim
3. Lớp bò sát
4. Lớp côn trùng

**Câu 14. (TH).** Trong những nhóm cây sau đây, nhóm nào gồm toàn các cây thuộc ngành Hạt kín?

**A.** cây nhãn, cây hoa ly, cây vạn tuế. **B.** cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.

**C.** cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa. **D.** cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

**Câu 15. (TH).** Tiêu chí nào sau đây được dùng để phân loại sinh vật?

(1) Đặc điểm tế bào

(2) Mức độ tổ chức cơ thể

(3) Môi trường sống

(4) Kiểu dinh dưỡng

(5) Vai trò trong tự nhiên và thực tiễn

A. (1), (2), (3), (5)                     B. (2), (3), (4), (5)

C. (1), (2), (3), (4)                     D. (1), (3), (4), (5)

**Câu 16. (TH).** Có thể phân biệt gà và thỏ nhờ đặc điểm đối lập nào sau đây?

###### A. Có cánh/ không có cánh.

B. Có thể di chuyển/ không thể di chuyển.

C. Cơ thể đơn bào/ cơ thể đa bào.

D. Có lông/ không có lông.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 17 (NB) (2,0 điểm).** Thực vật chia thành các ngành nào? Đặc điểm của từng ngành?

**Câu 18 (TH) (1,0 điểm).** Những đặc điểm nào giúp em phân biệt trùng roi và trùng giày?

**Câu 19 (VD) (2,0 điểm).** Kể tên 4 loài động vật không xương sống em đã quan sát được ở địa phương và nêu vai trò của mỗi động vật đó đối với đời sống con người?

**Câu 20 (VDC).** **(1,0 điểm).** Trong quá trình lấy nấm mốc ra khỏi mẫu vật để quan sát, em cần sử dụng những dụng cụ gì để đảm bảo an toàn sức khỏe?

Giải thích lí do của việc sử dụng các dụng cụ đó?

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2**

**I. TNKQ (4,0 điểm):** Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| Đ/A | A | C | B | C | A | A | D | C | C | B | A | B | A | B | B | C |

**Phần II: Tự luận: (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 17**  (2,0 điểm) | Thực vật chia thành các ngành và đặc điểm như sau:   * Ngành Rêu: Là thực vật sống trên cạn, sống ở nơi ẩm ướt, cơ thể nhỏ bé, có rễ giả, thân và lá chưa có mạch dẫn, sinh sản bằng bào tử. * Ngành Dương xỉ: Là thực vật có mạch, sinh sản bằng bào tử , thường sống ở nơi ẩm, mát. * Ngành Hạt trần: Rễ, thân, lá phát triển; có mạch dẫn; cơ quan sinh sản là nón, hạt nằm trên lá noãn hở. * Ngành Hạt kín: Rễ, thân, lá phát triển đa dạng; có hoa, quả, hạt; hạt nằm trong quả. | 0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 18**  (1,0 điểm) | Những đặc điểm giúp phân biệt trùng roi và trùng giày là:  - Trùng roi có các hạt diệp lục, trùng giày không có  - Trùng roi có điểm mắt, trùng giày không có  - Trùng roi có roi, trùng giày không có  - Trùng giày có lông bơi, trùng roi không có | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| **Câu 19**  (2,0 điểm) | * HS kể tên được mỗi loại động vật không xương sống có ở địa phương và nêu vai trò của mỗi động vật đó đối với đời sống con người. | 0, 5 điểm |
| **Câu 20**  **(1,0 điểm)** | - Khi lấy nấm mốc, cần sử dụng găng tay, khẩu trang, kính bảo vệ mắt.  - Giải thích: Vì bào tử nấm mốc rất nhẹ, dễ dàng phát tán trong không khí và dễ gây kích ứng da khi tiếp xúc trực tiếp, nếu hít phải sẽ ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe. | 0,5 điểm  0,5 điểm |